

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ SẴN SÀNG ÁP DỤNG CHUẨN MỰC KẾ TOÁN CÔNG VIỆT NAM TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC KHU VỰC KINH TẾ CÔNG

● ĐỖ THỊ TUỆ MINH

Trường Đại học Thành Đông

Email: minhdt@thanhdong.edu.vn

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh cải cách quản lý tài chính công và hội nhập kế toán quốc tế, việc áp dụng Chuẩn mực Kế toán công Việt Nam (VPSAS) trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả sử dụng nguồn lực công. Nghiên cứu nhằm xác định và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng áp dụng VPSAS tại các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế công. Thông qua 217 mẫu khảo sát kết hợp cùng các phân tích định lượng trên phần mềm SPSS 26. Kết quả cho thấy: Mức độ tự chủ tài chính, Năng lực kế toán viên, Nhận thức và ủng hộ, Hạ tầng công nghệ thông tin là bốn yếu tố ảnh hưởng tích cực đến mức độ sẵn sàng áp dụng VPSAS. Dựa trên kết quả phát hiện, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý góp phần thúc đẩy vận dụng VPSAS.

Từ khóa: Chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS), kế toán công, khu vực kinh tế công.

1. Đặt vấn đề

Bước vào thế kỷ XXI, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và yêu cầu ngày càng cao về minh bạch tài chính công, Việt Nam đang đối mặt với nhu cầu cấp thiết phải hiện đại hóa hệ thống kế toán công theo hướng chuẩn mực và tiệm cận thông lệ quốc tế. Hệ thống kế toán công là công cụ ghi nhận các nghiệp vụ tài chính, là nền tảng của quản trị công hiện đại, giúp Nhà nước hoạch định chính sách, kiểm soát nguồn lực và nâng cao trách nhiệm giải trình.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, mức độ sẵn sàng áp dụng VPSAS giữa các đơn vị thuộc khu vực kinh tế công hiện nay có sự khác biệt đáng kể. Một số đơn vị đã chủ động đầu tư cơ sở hạ tầng kế toán, nâng cao năng lực nhân sự và từng bước tiếp cận các chuẩn mực mới, trong khi nhiều đơn vị khác còn gặp khó khăn do thiếu nguồn lực, hạn chế về công nghệ thông tin, năng lực chuyên môn và nhận thức về lợi ích lâu dài của chuẩn mực kế toán công. Điều này cho thấy, việc áp dụng VPSAS không thể triển khai đồng loạt mà cần được đánh giá dựa trên mức

độ sẵn sàng và các nhân tố ảnh hưởng cụ thể của từng nhóm đơn vị. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu nhằm tìm hiểu và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng áp dụng Chuẩn mực Kế toán công Việt Nam của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế công, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường năng lực, cải thiện điều kiện triển khai và thúc đẩy việc áp dụng thành công VPSAS trong toàn bộ khu vực công, góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và bền vững của quản trị tài chính công tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu đề xuất

Chuẩn mực Kế toán công Việt Nam (VPSAS) là hệ thống chuẩn mực do Bộ Tài chính ban hành, được xây dựng dựa trên Chuẩn mực Kế toán công quốc tế (IPSAS) nhằm thống nhất việc lập, trình bày và công bố báo cáo tài chính khu vực công theo cơ sở dồn tích. Việc áp dụng VPSAS giúp phản ánh trung thực và toàn diện tình hình tài chính, tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả sử dụng nguồn lực công. Đồng thời, hệ thống chuẩn mực này góp phần chuẩn hóa phương pháp kế toán, tạo điều kiện so sánh giữa các đơn vị và kỳ kế toán, giúp Việt Nam tiệm cận thông lệ quốc tế và nâng cao uy tín trong quản lý tài chính công. Tính đến nay, Bộ Tài chính đã ban hành 16 chuẩn mực, đánh dấu bước tiến quan trọng trong hiện đại hóa và hội nhập hệ thống kế toán công quốc gia (Phạm Phương Thảo & Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, 2025).

Lý thuyết Quản lý Công mới (NPM) ra đời từ những năm 1980 như một phản ứng trước hạn chế của mô hình hành chính công truyền thống, nhấn mạnh việc áp dụng các nguyên tắc quản trị khu vực tư vào khu vực công nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu suất và trách nhiệm giải trình (Hood, 1991). Theo NPM, khu vực công cần vận hành linh hoạt, hướng tới kết quả và thích ứng nhanh với thay đổi thông qua cơ chế trao quyền tự chủ, trong đó mức độ tự chủ tài chính là yếu tố then chốt phản ánh năng lực quản lý. Mức độ này thể hiện khả năng quyết định và sử dụng nguồn lực tài chính độc lập,

ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực đầu tư, đổi mới hệ thống kế toán và mức độ sẵn sàng áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế như IPSAS. Các nghiên cứu của Ouda (2004) và Christiaens và cộng sự (2010) cho thấy, các đơn vị có quyền tự chủ tài chính cao thường thuận lợi hơn trong đào tạo nhân sự, đầu tư công nghệ và cải tiến kế toán. Bên cạnh đó, Lý thuyết Bất định nhấn mạnh, không có mô hình quản lý tối ưu cho mọi tổ chức, hiệu quả phụ thuộc vào điều kiện cụ thể (Linder, 1992). Việc triển khai IPSAS cần được điều chỉnh linh hoạt theo đặc điểm thể chế, pháp luật, trình độ phát triển kinh tế, năng lực kế toán viên và hạ tầng công nghệ (Chan, 2003). Ngoài ra, Lý thuyết Nguồn lực Tổ chức (RBV) do Penrose (1959) khởi xướng và được phát triển bởi Wernerfelt (1984) và Barney (1991), cho rằng lợi thế cạnh tranh bền vững của tổ chức bắt nguồn từ việc sở hữu và khai thác hiệu quả các nguồn lực nội tại. Theo RBV, các nguồn lực này được chia thành 3 nhóm chính: (1) Nguồn lực hữu hình; (2) Nguồn lực con người và (3) Nguồn lực tổ chức. Do đó, sức mạnh cạnh tranh của tổ chức không chỉ đến từ môi trường bên ngoài mà chủ yếu phụ thuộc vào khả năng phát huy, kết hợp và phát triển các nguồn lực sẵn có. RBV giúp lý giải vì sao các yếu tố nội tại như năng lực nhân sự, cơ sở hạ tầng công nghệ và hệ thống quản lý đóng vai trò quyết định đối với mức độ sẵn sàng áp dụng các chuẩn mực kế toán công. (Hình 1)

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Tác giả đề xuất

Dựa trên cơ sở lý thuyết và tổng quan một số nghiên cứu trong và ngoài nước của Nguyễn Thị Thu (2018), Mnif và Gafsi (2019), Ly và cộng sự

(2024), nghiên cứu tổng hợp và đề xuất mô hình nghiên cứu với các giả thuyết gồm:

H1: Mức độ tự chủ tài chính có ảnh hưởng tích cực đến mức độ sẵn sàng áp dụng Chuẩn mực kế toán công Việt Nam tại các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế công

H2: Hạ tầng công nghệ thông tin có ảnh hưởng tích cực đến mức độ sẵn sàng áp dụng Chuẩn mực kế toán công Việt Nam tại các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế công

H3: Năng lực kế toán viên có ảnh hưởng tích cực đến mức độ sẵn sàng áp dụng Chuẩn mực kế toán công Việt Nam tại các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế công

H4: Nhận thức và ủng hộ có ảnh hưởng tích cực đến mức độ sẵn sàng áp dụng Chuẩn mực kế toán công Việt Nam tại các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế công

Từ mô hình và giả thuyết nghiên cứu, phương trình nghiên cứu được viết ở dạng tổng quát như sau:

$$AD = \beta_0 + \beta_1*TC + \beta_2*CN + \beta_3*NL + \beta_4*UH + \varepsilon$$

Trong đó:

AD (Yếu tố phụ thuộc): Mức độ sẵn sàng áp dụng VPSAS

Các yếu tố độc lập bao gồm (X_i): Mức độ tự chủ tài chính (TC); Hạ tầng công nghệ thông tin (CN); Năng lực kế toán viên (NL); Nhận thức và ủng hộ (UH).

β_k : Hệ số hồi quy ($k = 0, 1, 2, 3, 4$).

ε : Sai số ngẫu nhiên.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu định tính: thang đo sơ bộ được xây dựng dựa trên kế thừa các nghiên cứu trong và ngoài nước. Sau đó, thang đo được hiệu chỉnh thông qua phỏng vấn chuyên gia trong lĩnh vực kế toán công và thảo luận nhóm với các nhà quản lý tài chính tại các đơn vị kinh tế công, nhằm đảm bảo tính phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Thang đo chính thức bao gồm 23 biến quan sát được đo lường theo thang đo Likert 5 mức độ (Mức 1 - Hoàn toàn không đồng ý đến Mức 5 - Hoàn toàn đồng ý).

Nghiên cứu định lượng: Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS26 với các phân tích định lượng. Cỡ mẫu nghiên cứu được tính theo tỷ lệ tốt nhất là 10:1 trong phân tích nhân tố khám phá (EFA) của Hair và cộng sự (2010). Phiếu khảo sát được phát theo phương pháp phi xác suất thuận tiện theo hình thức trực tuyến qua email đến các kế toán viên, kiểm soát viên và cán bộ quản lý tại các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế công. Thời gian khảo sát được thực hiện từ tháng 01/2025 đến hết tháng 04/2025, sau khi loại bỏ các phiếu không hợp lệ, thu về 217 phiếu đủ điều kiện đưa vào phân tích.

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích cho thấy các thang đo trong mô hình đạt độ tin cậy và giá trị tốt. Tất cả các yếu tố độc lập có hệ số Cronbach's Alpha > 0,5, đảm bảo tính nhất quán nội tại. Hệ số KMO = 0,811 và kiểm định Bartlett's Sig. = 0,000 chứng tỏ dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố. Các biến quan sát đều có tải nhân tố > 0,7, với 4 nhân tố được trích tại Eigenvalue > 1, tổng phương sai trích đạt 74,543%, phản ánh khả năng giải thích cao của mô hình. Đối với yếu tố phụ thuộc, hệ số Cronbach's Alpha = 0,823, KMO = 0,802 và Sig. Bartlett's = 0,000, cho thấy thang đo đáng tin cậy. Kết quả EFA trích được 1 nhân tố duy nhất với tổng phương sai trích 73,614%, chứng tỏ mô hình có khả năng giải thích tốt biến phụ thuộc. (Bảng 1)

Kết quả phân tích tương quan Pearson cho thấy mối tương quan giữa các yếu tố độc lập với yếu tố phụ rất tốt thông qua hệ số tương quan đều > 0,4 và giá trị Sig < 0,05 đồng thời giữa các yếu tố độc lập không xuất hiện nghi ngờ về hiện tượng đa cộng tuyến nên dữ liệu thoả mãn đưa vào phân tích hồi quy (Hair và cộng sự, 2010). (Bảng 2)

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy (Bảng 3), mô hình có độ phù hợp cao với dữ liệu khi $R^2 = 0,819$ và R^2 hiệu chỉnh = 0,785. Giá trị F = 112,846 với hệ số Sig. = 0,000 cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê. Giá trị Durbin-Watson = 1,821 cho thấy không có dấu hiệu của tự tương quan. Thống kê đa cộng tuyến với hệ số phóng đại phương sai VIF của các yếu tố trong mô hình đều

Bảng 1. Kết quả phân tích hệ số nhân tố khám phá

Các yếu tố	Hệ số tải nhân tố nhỏ nhất			
	1	2	3	4
TC	0,778			
CN		0,791		
NL			0,783	
UH				0,774
Hệ số Cronbach's Alpha	0,795	0,802	0,816	0,837
Hệ số Eigenvalue	5,712	4,017	2,952	1,476
Tổng phương sai trích (%)	48,261	58,194	69,108	74,543
Hệ số KMO = 0,811 Hệ số Sig. của kiểm định Bartlett's = 0,000				
AD		0,776		
Hệ số Cronbach's Alpha		0,823		
Hệ số Eigenvalue		1,572		
Tổng phương sai trích (%)		73,614		
Hệ số KMO = 0,802 Hệ số Sig. của kiểm định Bartlett's = 0,000				

Nguồn: Tác giả phân tích

nhỏ hơn 2 do đó không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến, đảm bảo tính ổn định của các ước lượng hồi quy và hệ số Sig của kiểm định t đều nhỏ hơn 0,05 chứng tỏ mô hình có ý nghĩa thống kê. Như vậy, các giả thuyết đưa ra đều được chấp nhận, hệ số hồi quy các yếu tố độc lập đều mang giá trị dương và có phương trình hồi quy theo hệ số beta chuẩn hóa như sau:

$$AD = 0,342*TC + 0,307*NL \\ + 0,287*UH + 0,259*CN + \varepsilon$$

5. Hàm ý quản trị

Để nâng cao mức độ sẵn sàng áp dụng Chuẩn mực Kế toán công Việt Nam (VPSAS), các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế công cần tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm. Trước hết, cần tăng cường quyền tự chủ tài chính nhằm giúp các đơn vị chủ động hơn trong việc phân bổ nguồn lực cho đào tạo, đầu tư công nghệ và cải tiến hệ thống kế toán. Chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ kế toán viên thông qua các chương trình

Bảng 2. Kết quả phân tích tương quan Pearson

		AD	TC	CN	NL	UH
AD	Pearson correlation	1	0,614**	0,592**	0,607**	0,638**
	Sig. (2-tailed)		0,000	0,000	0,000	0,000
	N	217	217	217	217	217

Nguồn: Tác giả phân tích

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính

Mô hình		Hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá		Hệ số hồi quy chuẩn hoá	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		Beta	Độ lệch chuẩn	Beta chuẩn hoá			Dung sai điều chỉnh	VIF
1	Hằng số	2,304	0,026		5,103	0,001		
	TC	0,331	0,023	0,342	6,475	0,000	0,753	1,705
	CN	0,217	0,019	0,259	5,892	0,000	0,612	1,694
	NL	0,296	0,020	0,307	5,756	0,003	0,749	1,721
	UH	0,252	0,017	0,287	6,475	0,000	0,631	1,738
Giá trị F = 112,846; Sig. = 0,000 R ² = 0,819; R ² hiệu chỉnh = 0,785; Durbin-Watson = 1,821 a. Biến phụ thuộc: AD								

Nguồn: Phân tích của tác giả

đào tạo định kỳ về chuẩn mực kế toán công, kỹ năng lập báo cáo theo cơ sở dồn tích và ứng dụng công nghệ số trong kế toán. Bên cạnh đó, lãnh đạo đơn vị cần thể hiện rõ cam kết và sự ủng hộ trong quá trình triển khai VPSAS, tạo động lực và môi trường thuận

lợi để thay đổi tư duy và hành vi nghề nghiệp. Các đơn vị cần đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, đặc biệt là phần mềm kế toán và hệ thống quản trị dữ liệu, nhằm đảm bảo tính chính xác, minh bạch và đồng bộ trong báo cáo tài chính công ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Nguyễn Thị Thu. (2018). Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng Chuẩn mực Kế toán công quốc tế số 12 về hàng tồn kho tại các đơn vị sự nghiệp công lập Việt Nam [Luận văn Thạc sĩ, Thư viện số UEH].

Phan Hương Thảo, & Nguyễn Thị Xuân Quỳnh. (2025). Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới việc áp dụng Chuẩn mực kế toán công Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia về Kế toán - Kiểm toán (VCAA 2025), 375-393.

Barney, J. B. (1991). Firm resources and sustained competitive advantage. *Journal of Management*, 17(1), 99-120.

Chan, J. L. (2003). Government accounting: An assessment of theory, purposes and standards. *Public Money & Management*, 23(1), 13-20.

Christiaens, J., Vanhee, C., Manes-Rossi, F., Aversano, N., & Van Cauwenberge, P. (2015). The effect of IPSAS on reforming governmental financial reporting: An international comparison. *International Review of Administrative Sciences*, 81(1), 158-177.

Hove, M. R. (1986). Accounting practices in developing countries: Colonialism’s legacy of inappropriate technologies. *International Journal of Accounting*, 22(1), 81-100.

Lüder, K. G. (1992). A contingency model of governmental accounting innovations in the political-administrative environment. *Research in Governmental and Non-Profit Accounting*, 7, 99-127.

Ly, L. Y., Bui, T. H., & Ngo, T. T. H. (2024). Factors affecting the awareness of public units in Vietnam when applying international public accounting standards. *Revista Gestão & Tecnologia*, 24, 143-165.

Mnif, Y., & Gafsi, Y. (2019). Institutional and economic factors affecting the adoption of international public sector accounting standards. *International Journal of Public Administration*, 42(2), 119-131. Ouda, H. (2004). Basic requirements model for successful implementation of accrual accounting in the public sector. *Public Fund Digest*, 4(1), 99-127. International Consortium on Governmental Financial Management.

Wernerfelt, B. (1984). A resource-based view of the firm. *Strategic Management Journal*, 5(2), 171-180.

Ngày nhận bài: 19/8/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 29/8/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 19/9/2025

FACTORS INFLUENCING PUBLIC SECTOR READINESS TO ADOPT VIETNAMESE PUBLIC SECTOR ACCOUNTING STANDARDS (VPSAS)

● **DO THI TUE MINH**

Thanh Dong University

ABSTRACT:

In the context of ongoing public financial management reforms and progress toward international accounting convergence, the adoption of Vietnamese Public Sector Accounting Standards (VPSAS) has become essential to enhancing transparency, accountability, and efficiency in public resource management. This study investigates the factors influencing the readiness of public sector entities to adopt VPSAS. Using data from 217 survey responses and quantitative analysis performed in SPSS 26, the findings indicate that four factors, financial autonomy, accountants' competence, awareness and managerial support, and information technology infrastructure, positively and significantly affect VPSAS adoption readiness. Based on these results, the study proposes several managerial implications aimed at strengthening institutional capacity and promoting the effective implementation of VPSAS across Vietnam's public sector.

Keywords: Vietnamese Public Sector Accounting Standards (VPSAS), public sector accounting, public sector.